

Bản án số: 561/2025/HC-PT

Ngày 12-5-2025

V/v “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Ông Dương Tuấn Vinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 1262/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 12 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1455/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1950. (Có mặt)

Địa chỉ: Số D đường V, Khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố P - T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chủ tịch. (Vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài N - Phó Chủ tịch. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Tô Công T – Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị Kim T1, sinh năm 1973. (*Vắng mặt*)
2. Bà Cao Thị Kim Y, sinh năm 1974. (*Có mặt*)
3. Ông Cao Văn T2, sinh năm 1981. (*Vắng mặt*)
4. Bà Cao Thị Kim T3, sinh năm 1977. (*Vắng mặt*)
5. Bà Cao Thị Kim N1, sinh năm 1984. (*Có mặt*)
6. Bà Cao Thị Kim T4, sinh năm 1986. (*Vắng mặt*)
7. Ông Cao Văn S, sinh năm 1979. (*Vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền của các ông/bà T1, T2, T3, T4, S: Bà Cao Thị Kim N1, sinh năm 1984. (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

**Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị B, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Cao Thị Kim T4 trình bày:

Bà Phạm Thị B và ông Cao Văn Q (đã chết năm 2022) là vợ chồng có tạo lập tài sản trước năm 1975 là căn nhà gắn liền với đất tọa lạc số 45 đường V, phường M, thành phố P - T. Năm 2020, vợ chồng bà B đã phân chia, tặng cho một phần căn nhà và đất. Diện tích còn lại thuộc thửa đất số 121, tờ bản đồ số 60, diện tích là 318m² tọa lạc tại phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện Dự án khu dân cư Bắc đường 16/4, ngày 5/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P - T ban hành Quyết định số 2780/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 121 tờ bản đồ số 60 diện tích 317,4m² đất trồng cây lâu năm của gia đình bà B. Do ông Cao Văn Q vừa qua đời năm 2022 nên các đồng thừa kế cùng đứng tên trên Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Bà đồng ý với quyết định thu hồi đất; quyết định cưỡng chế thu hồi đất của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T.

Ngày 5/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P - T ban hành quyết định số 2788/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà B với tổng số tiền 534.565.864 đồng. Tại phiên tòa, bà B1 đồng ý với giá bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về đất, về tài sản, vật kiến trúc và hoa màu trên đất. Bà ba chỉ yêu cầu hỗ trợ thêm các khoản sau, cụ thể: Hỗ trợ về di chuyển chỗ ở; hỗ trợ thuê nhà ở và Bố trí cho gia đình được mua 01 lô đất theo diện nhu cầu đất ở.

Bà B đủ điều kiện để được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, mua đất ở theo diện nhu cầu nên sau khi có quyết định thu hồi đất bà B đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P - T bố trí cho bà mua một lô đất diện nhu cầu. Tuy nhiên, ngày 22/12/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T có văn bản trả lời đơn của bà với nội dung không đồng ý vì họ căn cứ biên bản họp xét ngày

7/6/2021 của Ủy ban nhân dân phường M cho rằng “ông Cao Văn Q được bố trí đất tái định cư và chuyển đổi nghề tại dự án Khu đô thị B - N (Khu K)” nên không xem xét bố trí đất ở diện nhu cầu cho hộ ông Cao Văn Q.

Căn cứ khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 quy định: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở; giá đất ở tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.

Ông Q chết năm 2022, bà B năm nay đã 75 tuổi, tuổi già, sức khỏe yếu. Thửa đất 121 gắn liền với ngôi nhà bị thu hồi là nơi ở duy nhất của bà ba, ngoài ra không có chỗ ở nào khác nhưng khi thu hồi hết đất, hết tài sản gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân thành phố P - T không bố trí cho bà B nơi ở mới. Vậy là không phù hợp với Nghị định số 47 và cũng không có nhân văn. Hơn nữa, nguồn gốc diện tích đất bị thu hồi của bà B đã sử dụng từ trước 1975, nhà ở đã tồn tại mấy chục năm nhưng không hiểu sao khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại xác định đất cây lâu năm.

Vì những lẽ trên bà B khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Thị B, Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2, Cao Văn S (đại diện đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu dân cư B tháng D (trục D) phường M, thành phố P - T.

- Hủy Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Hoài N có Bản trình bày ý kiến ngày 17/6/2024 và ngày 16/12/2024; tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bà Tăng Ngọc Q1 trình bày:

Về nguồn gốc đất: Tương ứng thửa đất số 121, tờ BĐĐC số 60, loại đất CLN, diện tích 318m² trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cá nhân ông Cao Văn Q được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N công nhận quyền sử dụng đất ngày 02/3/2020; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS 08578; sổ sổ phát hành CU 769311. Diện tích giảm 10,1 m² ở cạnh hướng Tây do đất ông Cao H1 chồng lấn qua thửa thừa số 08 so với Giấy chứng nhận đã cấp. Hiện trạng thửa đất trồng nha đam, chuối ... nhà ở và vật kiến trúc. Thửa đất thu hồi hết diện tích, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm và có di chuyển chỗ ở. Hội đồng tư vấn đất đai phường M: Thống nhất quy chủ sử dụng đất là ông Cao Văn Q. Ông

Cao Văn Q có trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại thửa đất thu hồi và thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Nghề nghiệp ông Cao Văn Q làm nông.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh N về phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh N về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố P - T;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh N: Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 ban hành bảng giá hoa màu, cây trồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh N; Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 quy định bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 quy định giá các loại đất kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư B tháng 4 (từ trục D6-D7) tại phường M, thành phố P- T;

Ngày 05/9/2023, Ủy ban nhân dân thành phố P - T ban hành Quyết định số 2780/QĐ-UBND về việc thu hồi 317,4 m² đất trồng cây lâu năm do ông (bà) Phạm Thị B, Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T5, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2, Cao Văn Sang (đại diện đồng thừa kế ông Cao Văn Q đã chết) đang sử dụng tại phường Mỹ Bình và Quyết định số 2788/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền bồi thường 534.565.864 đồng (trong đó, đã hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Q là 76.176.000 đồng) là đúng quy định pháp luật.

Thực hiện Công văn số 4721/VPUB-TCĐ ngày 05/11/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển đơn (ghi ngày 30/10/2023) kiến nghị của bà Phạm Thị B, với nội dung: Đề nghị giao đất chuyển đổi nghề hoặc nhu cầu khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư B tháng D (trục D), phường M, thành phố P - T.

Ủy ban nhân dân thành phố đã thụ lý và trả lời đơn cho công dân tại Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

Về nội dung bà Phạm Thị B yêu cầu mua 01 lô đất theo diện nhu cầu đất ở:

Căn cứ Khoản 4 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước

thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước bán, cho thuê, cho mua nhà ở hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất”.

Đối chiếu với quy định trên thì trường hợp hộ bà Phạm Thị Ba B2 thu hồi 317,4 m² đất nông nghiệp, giải tỏa nhà ở nhưng đang có đất ở tại phường M nơi có đất thu hồi (ông Cao Văn Q được Ủy ban nhân dân thành phố giao 01 lô đất tái định cư, đã bóc thăm lô đất số LK 15-32 diện tích 97,24 m² tại khu K2 (Hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận) và 02 lô đất ở diện chuyển đổi nghề, đã bóc thăm lô số LK02A-25 diện tích 83,35 m², lô số LK02A-26 diện tích 82 m² tại khu K) nên việc bà Phạm Thị B đề nghị giao đất ở theo diện nhu cầu là không đủ cơ sở để giải quyết.

Về nội dung hỗ trợ tiền di chuyển chỗ ở, tiền thuê nhà ở:

Căn cứ Khoản 1 Điều 36 Quyết định 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận quy định: “Người đang sử dụng nhà ở hợp pháp khi nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ di chuyển”. Như vậy, hộ gia đình bà Phạm Thị B có nhà xây dựng trên đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm) không phải là đất ở nên không được hỗ trợ di chuyển là đúng theo quy định.

Căn cứ Khoản 2 Điều 36 Quyết định 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận quy định: “Người bị thu hồi đất ở, giải tỏa nhà ở không còn chỗ ở khác, trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới, được bố trí nhà ở tạm không phải trả tiền thuê nhà trong thời hạn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày được giao đất tái định cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở với mức 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng/một hộ/tháng”. Trường hợp hộ bà Phạm Thị B thu hồi 317,4 m² đất trồng cây lâu năm (không phải đất ở) nên hộ bà không đủ điều kiện được hỗ trợ tiền thuê nhà ở.

Ngày 09/12/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với phòng T6, Ban Q2 và UBND phường M đi kiểm tra thực địa, thửa đất hiện nay vẫn chưa tháo dỡ bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Tại buổi làm việc, để đẩy nhanh tiến độ của dự án, các thành viên thống nhất hỗ trợ tiền thuê nhà (hỗ trợ riêng) đối với hộ bà Phạm Thị B, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2 (đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) với số tiền 15.000.000 đồng nhưng hộ gia đình bà không đồng ý.

Từ những nội dung trên, yêu cầu khởi kiện của bà B1 là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, quyết định:

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 164, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều

193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 213, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc:

- Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Thị B, Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2, Cao Văn S (đại diện đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu dân cư B tháng D (trục D) phường M thành phố P - T.

- Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B.

2. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố P - T đối với hộ bà Phạm Thị B số tiền 15.000.000 đồng, hộ gia đình bà Phạm Thị B được quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P - T để nhận số tiền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/01/2025, bà Phạm Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà do Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà là thiếu cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người kháng cáo trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim Y và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Kim T1, Cao Văn T2, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim T4, Cao Văn S yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị B3.

Không ai xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Thuận yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm do đã xét xử đúng quy định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo được làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập, án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Án sơ thẩm đã xác định loại vụ việc, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết đúng quy định Luật Tổ tụng Hành chính. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về thủ tục tố tụng, quyền lợi tố tụng của các đương sự được bảo đảm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã ủy quyền hợp lệ cho đương sự khác tham gia phiên tòa, do đó vụ án đủ điều kiện xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Thị B, Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2, Cao Văn S (đại diện đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án khu dân cư B đường A (trục D) phường M, thành phố P - T và huỷ Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B.

Xét, UBND tỉnh N ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất là đúng quy định về thẩm quyền theo điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Trình tự, thủ tục ban hành sau thực hiện theo Quyết định thu hồi đất cho Dự án khu dân cư B đường A (trục D) phường M, thành phố P - T đối với hộ ông Cao Văn Q (đã chết), sau khi đã căn cứ vào phương án bồi thường được phê duyệt và thực hiện xong công tác kiểm đếm đối với diện tích đất cùng tài sản bị ảnh hưởng do việc thu hồi nên là quyết định hợp pháp.

Về nội dung: Căn cứ Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố P – T ban hành thể hiện: ông (bà) Phạm Thị B, Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao

Văn T2, Cao Văn S (đại diện đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) bị thu hồi 317,4m² đất trồng cây lâu năm đang sử dụng tại phường M. Về nguồn gốc, đất thu hồi thuộc thửa 121, tờ bản đồ số 60, loại đất CLN được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cá nhân ông Cao Văn Q ngày 02/3/2020, hiện trạng đất trồng nha đam, chuối, có nhà ở và vật kiến trúc. Thửa đất bị thu hồi hết diện tích, sử dụng ổn định, không tranh chấp, không lấn chiếm và có di chuyển chỗ ở. Ông Q có trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp. Gia đình người khởi kiện đồng ý với quyết định thu hồi. Tuy nhiên, đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2788/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố P – T chỉ bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 534.565.864 đồng – trong đó đã hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định là 76.176.000 đồng. Tuy trên đất có nhà ở và phải di dời nơi ở, nhưng do nhà xây dựng trên đất nông nghiệp, đồng thời gia đình bà vẫn có nơi ở trên cùng địa bàn phường M với các nền đất tái định cư do thu hồi diện tích đất khác của gia đình nên không được xem xét hỗ trợ nền tái định cư. Người khởi kiện không đồng ý về điểm này vì cần có nơi ở riêng.

Xét Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 2788/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố P – T đã ghi nhận đầy đủ và đúng theo hiện trạng tài sản như đã kiểm đếm, phù hợp với các quy định pháp luật về bồi thường theo điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các Văn bản về phê duyệt phương án bồi thường, về đơn giá đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, địa bàn thành phố P - T và riêng đối với Dự án khu dân cư B (trục D) phường M, thành phố P - T đang có hiệu lực tại thời điểm thu hồi đất, gồm: Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND tỉnh N; Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh N về bảng giá hoa màu, cây trồng; Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh N về sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 quy định bảng giá nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 quy định giá các loại đất kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Khu dân cư Bắc đường 16 tháng 4 (trục D6-D7) tại phường M, thành phố P- T; khoản 12 Điều 32 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh N.

Thực tế ông Cao Văn Q đã được UBND thành phố giao 01 lô đất ở theo diện tái định cư, đã bốc thăm các lô đất số LK 15-32 diện tích 97,24m² tại Khu B và 02 lô đất ở diện chuyển đổi nghề, lô số LK 02A-25 diện tích 83,5m² và lô số LK02-26 diện tích 81m² tại khu K nên việc bà B đề nghị giao đất ở theo diện nhu cầu là không có cơ sở. Án sơ thẩm cũng đã ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của người

bị kiện với số tiền 15.000.000 đồng cho bà thuê chỗ ở trong thời gian xây dựng nơi ở mới là có lợi cho gia đình bà.

Như vậy, Quyết định hành chính số 2788/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND thành phố P- T là đúng quy định pháp luật, yêu cầu khởi kiện của bà B không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà B về huỷ Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P – T về trả lời đơn kiến nghị của bà B là đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Bà Phạm Thị B kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật. Xét quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định về tố tụng. Về nội dung đã giải quyết đúng với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, đúng quy định pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của bà không có cơ sở để chấp nhận. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận. Tuy nhiên bà B là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị B.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ:

Khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 164, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 213, Điều 348 Luật tố tụng hành chính;

Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 69, Điều 71, Điều 74, Điều 75 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc huỷ:

- Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phạm Thị B,

Cao Thị Kim T1, Cao Thị Kim Y, Cao Thị Kim T3, Cao Thị Kim N1, Cao Thị Kim T4, Cao Văn T2, Cao Văn S (đại diện đồng thừa kế hộ ông Cao Văn Q đã chết) khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu dân cư B tháng D (trục D) phường M thành phố P - T.

- Văn bản số 5944/UBND-TNMT ngày 22/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P - T về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phạm Thị B.

2. Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố P - T đối với hộ bà Phạm Thị B số tiền 15.000.000 đồng, hộ gia đình bà Phạm Thị B được quyền liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố P - T để nhận số tiền này.

Án phí hành chính phúc thẩm bà Phạm Thị B được miễn.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- ĐS (4);
- Lưu VP(3), HS(2).16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ